

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**

Bản án số: 04/2026/HS-ST
Ngày 28 tháng 01 năm 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Diên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Hồ Diên Khoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An. Toà án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST-HS ngày 12/01/2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Công D, tên gọi khác: Không; sinh ngày 29 tháng 6 năm 1987, tại xã X, tỉnh Nghệ An; số CCCD 040087010908 cấp ngày 09/9/2024; Nơi cư trú: Khôi T, phường T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công H, sinh năm 1951, con bà Trần Thị H1, sinh năm 1953; vợ: Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1990 (đã ly hôn); con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/8/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại bản án số 306/HSST, chấp hành xong bản án ngày 05/01/2015; Ngày 25/8/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại bản án số 319/2017/HSST, chấp hành xong bản án ngày 30/01/2018; Ngày 05/10/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 05 (năm) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại bản án số 431/2018/HS-ST, chấp hành xong bản án ngày 19/7/2022; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/9/2025 đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: Trần Đình K, tên gọi khác: Không; sinh ngày 12 tháng 5 năm 1988, tại phường T, tỉnh Nghệ An; số CCCD 040088022128 cấp ngày 20/3/2023; Nơi cư trú: Xóm T, phường T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình M, sinh năm 1962, con bà Lê Thị B1, sinh năm 1958; vợ: Phạm Thị Hải Y, sinh năm 1988; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/6/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An xử phạt 12 (mười hai) tháng tù

nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng về tội “Đánh bạc” tại bản án số 33/2018/HSST, chấp hành xong bản án ngày 28/6/2020; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/9/2025 đến nay (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị B1, sinh năm 1958.

Nơi cư trú: Xóm T, phường T, tỉnh Nghệ An (có mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Phạm Đức V, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: K, phường T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- *Người chứng kiến:* Ông Đào Văn Q, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Khối Q, phường T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Vào 19 giờ 56 phút ngày 19/9/2025, tại khu vực khối Q, phường T, tỉnh Nghệ An, Công an phường T, tỉnh Nghệ An phối hợp với Phòng An ninh điều tra (PA09) Công an tỉnh N phát hiện, bắt quả tang Trần Đình K điều khiển xe đạp điện màu trắng, không gắn biển kiểm soát mang theo 01 túi ni lông màu trắng, bên trong có 01 tấm vải màu vàng, hai đầu buộc dây màu trắng, bên trong chứa 01 khẩu súng ngắn kiểu ổ quay, trên thân súng có ký hiệu “18F19163”, trên súng có ổ đạn, bên trong chứa 06 (sáu) viên đạn bằng kim loại có đặc điểm giống nhau kích thước dài 2,5cm, dưới đáy vỏ đạn có ký hiệu “T” (nghi vũ khí quân dụng), thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy A05 màu xanh; 01 xe đạp điện màu trắng không gắn biển kiểm soát. Trần Đình K khai nhận khẩu súng và đạn trên là của Nguyễn Công D. Ngày 20/9/2025, Nguyễn Công D đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh N đầu thú.

Quá trình điều tra, hành vi phạm tội của các bị can thể hiện:

Khoảng đầu tháng 6/2025, Nguyễn Công D trên đường đi làm về qua đoạn cầu K (cũ), thuộc địa phận khối T, phường T, tỉnh Nghệ An phát hiện thấy có 01 hộp bìa cát tông kích thước khoảng 25x15x10cm, trên hộp có hình khẩu súng ngắn kèm theo nhiều chữ Trung Quốc, D mở kiểm tra thấy 01 (một) khẩu súng ngắn dạng súng côn, thân súng bằng kim loại màu trắng bạc, tay cầm bằng nhựa màu nâu và 10 (mười) viên đạn nên đã đưa về nhà cất giấu trong tủ quần áo gia đình. Ngày hôm sau, Nguyễn Công D đem khẩu súng ra khu vực nghĩa trang lấp đạn bắn thử nhưng súng không nổ. Do biết M1 (là bạn của D) có biết về súng, đạn nên Nguyễn Công D gọi điện thoại đến số I gặp M1 mục đích nhờ M1 kiểm tra khẩu súng còn sử dụng được không đồng thời nhờ M1 giữ hộ. Sau đó, Nguyễn Công D mang theo khẩu súng, 10 viên đạn một mình đi từ nhà tại khối T, phường T, tỉnh Nghệ An gặp M1 tại quán một quán ăn, M1 đồng ý kiểm tra và cất giấu khẩu súng giúp D sau đó D ra về.

Đến ngày 01/8/2025, Trần Đình K biết D có súng và đạn nên K đặt vấn đề mượn D khẩu súng và đạn của D để phòng thân khi đi làm mỏ, Nguyễn Công D đồng ý. Nguyễn Công D rủ Trần Đình K đi đến khu vực Cầu G, xã Q, tỉnh Nghệ An chơi. Sau đó, Trần Đình K thuê xe taxi của Phạm Đức V đón Nguyễn Công D từ phường T, tỉnh Nghệ An đến nhà C tại khu V, xã Q, tỉnh Nghệ An chơi nhưng C đi vắng nên D liên lạc gặp M1 để lấy lại khẩu súng, 10 viên đạn. Khi xe taxi chở

D và K đi đến đoạn đường sắt giao nhau với Quốc lộ D thuộc xã Q, tỉnh Nghệ An, D một mình xuống xe gặp M1 nhận 01 hộp cát tông bên trong chứa súng và đạn rồi lên xe taxi quay về nhà, Khi đến nhà D, K rủ D đến nhà K chơi, D đồng ý để hộp cát tông bên trong chứa súng và đạn để K mang về nhà còn D đi xe máy đến nhà K sau. Khi đến nhà K, D và K mở hộp cát tông kiểm tra thấy bên trong có 01 khẩu súng ngắn dạng súng côn, thân súng bằng kim loại màu trắng bạc, tay cầm bằng nhựa màu nâu, 10 (mười) viên đạn dạng thể thao. D giao cho K bảo quản khi nào cần D sẽ đến lấy rồi ra về. Khi nhận được súng, K đem cất giấu phía sau nhà thỉnh thoảng có mở ra xem. Đến khoảng 19 giờ ngày 19/9/2025, Trần Đình K đi đến vị trí cất giấu khẩu súng, đạn mục đích đem trả lại cho D nhưng chỉ thấy còn 06 viên đạn. Sau đó, K lắp 06 viên đạn còn lại vào ổ đạn rồi dùng tấm vải màu vàng bọc bên ngoài cho vào túi ni lông màu trắng rồi treo lên phía tay trái của xe đạp điện điều khiển đến nhà D. Đến khoảng 19 giờ 56 phút cùng ngày, khi Trần Đình K đi đến cổng trường Tiểu học H2, khối Q, phường T, tỉnh Nghệ An thì bị Tổ công tác Công an phường T, tỉnh Nghệ An phối hợp với Phòng An ninh điều tra (PA09) Công an tỉnh N phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng. Cùng ngày Nguyễn Công D đến cơ quan điều tra đầu thú.

Tại bản kết luận giám định số 101/KL - KTHS (Đ3-SĐ) ngày 24/9/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh N kết luận:

- Khẩu súng thu giữ của Trần Đình K gửi đến giám định là súng tự chế bắn đạn cỡ 5,6x15,5mm - Thuộc vũ khí quân dụng. Hiện tại súng còn sử dụng để bắn được.

- 06 (sáu) viên đạn nằm trong khẩu súng thu giữ của Trần Đình K gửi giám định là đạn cỡ 5,6x15,5mm - Thuộc vũ khí quân dụng. Loại đạn này sử dụng được cho khẩu súng thu giữ của Trần Đình K gửi đến giám định.

Tại Cáo trạng số 60/CT-VKS-NA ngày 29 tháng 12 năm 2025, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã truy tố Trần Đình K, Nguyễn Công D về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”, theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Công D từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Đình K từ 14 (mười bốn) đến 18 (mười tám) tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 - Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm c khoản 1 Điều 47 - Bộ luật Hình sự:

- Giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh N quản lý và tiêu hủy 01 (một) khẩu súng ổ quay, thân súng có ký hiệu “18F19163”; 06 (sáu) viên đạn, dưới đáy vỏ đạn có ký hiệu “T”.

Trả lại cho bị cáo Trần Đình K 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy A05 màu xanh, số IMEI 1: 357492751525146, số IMEI 2: 359547401525149 gắn sim số 0976434406 đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Các vật chứng khác Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh N đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Các bị cáo nhất trí về tội danh, mức hình phạt không tranh luận chỉ xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 20 giờ 40 phút, ngày 19/9/2025, tại Công an phường T, tỉnh Nghệ An cùng vật chứng thu giữ được. Lời khai nhận tội của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra và phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa, từ đó đã xác định được: Khoảng tháng 6/2025, Nguyễn Công D cất giấu trái phép tại chỗ ở thuộc khối T, phường T, tỉnh Nghệ An 01 (một) khẩu súng tự chế bắn đạn cỡ 5,6x15,5mm và 06 (sáu) viên đạn cỡ 5,6x15,5mm - Thuộc vũ khí quân dụng. Đến ngày 01/8/2025, D đã giao khẩu súng và đạn trên cho Trần Đình K quản lý. Đến khoảng 19 giờ 56 phút ngày 19/9/2025, Trần Đình K điều khiển xe đạp điện màu trắng, không gắn biển kiểm soát mang theo khẩu súng và đạn đi đến khu vực khối Q, phường T, tỉnh Nghệ An mục đích để trả lại cho Nguyễn Công D thì bị Công an phường T phối hợp với Phòng An ninh điều tra Công an tỉnh N phát hiện, bắt quả tang. Khẩu súng và 06 (sáu) viên đạn thu giữ của Trần Đình K là vũ khí thuộc nhóm vũ khí quân dụng mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép. Nên hành vi của Nguyễn Công D và Trần Đình K đã phạm tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án thuộc loại nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm trật tự an toàn xã hội, xâm phạm các quy định của Nhà nước về sản xuất, quản lý vũ khí quân dụng, đe dọa đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu và gây tác hại về nhiều mặt của đời sống xã

hội. Các bị cáo nhận thức rõ vũ khí quân dụng là đối tượng được Nhà nước quản lý chặt chẽ để bảo đảm trật tự an toàn xã hội, phục vụ cho nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Do đó việc tàng trữ, vận chuyển vũ khí quân dụng mà không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng với thái độ xem thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện để cải tạo, giáo dục răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, nhưng bị cáo D là người quản lý trực tiếp khẩu súng và đạn nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò đầu trong vụ án. Bị cáo K khi biết bị cáo D có súng và đạn đã mượn khẩu súng và các viên đạn trên. Do đó bị cáo K phải chịu trách nhiệm hình sự vai trò đồng phạm sau bị cáo D.

[5] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng nhưng đều có nhân thân xấu. Bị cáo D đã từng 03 (ba) lần bị kết án về các tội Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Gây rối trật tự công cộng vào các năm 2013, 2017 và năm 2018; bị cáo K năm 2018 đã từng bị xét xử về tội Đánh bạc. Tuy các bị cáo đã đương nhiên được xóa án tích nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân lại tiếp tục phạm tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng” nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt.

Tuy nhiên cũng cần xem xét cho các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Sau khi phạm tội bị cáo D ra đầu thú và bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Công H được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến; Huân chương chiến sĩ vẻ vang; Huân chương chiến sĩ giải phóng. Mặt khác các bị cáo đều có 03 (ba) con đẻ dưới 15 tuổi. Do đó cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra, kết hợp việc xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian và cần xét xử bị cáo D mức hình phạt cao hơn bị cáo K mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 304 Bộ luật Hình sự thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo có thu nhập thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Vật chứng vụ án gồm: 01 (một) khẩu súng ô quay, thân súng có ký hiệu “18F19163”; 06 (sáu) viên đạn, dưới đáy vỏ đạn có ký hiệu “T”. Xét đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành. Do đó cần giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh N quản lý và tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 - Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm c khoản 1 Điều 47 - Bộ luật Hình sự.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy A05 màu xanh, số IMEI 1: 357492751525146, số IMEI 2: 359547401525149 gắn sim số 0976434406 đã qua sử dụng thu giữ của Trần Đình K do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo theo khoản 3 Điều 106 - Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các vật chứng khác Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh N đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Đối với người đàn ông tên M1, D khai đã liên lạc qua số điện thoại 0941721137 của M1 để nhờ kiểm tra và cất giấu súng, đạn hộ. Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh N đã xác minh số điện thoại trên nhưng đăng ký chủ thuê bao là Hoàng Tuấn A, sinh năm 1980, trú tại thôn H, xã Q, tỉnh Nghệ An. Quá trình điều tra xác định từ trước đến nay Hoàng Tuấn A không sử dụng số điện thoại trên và cũng không cho ai mượn giấy tờ tùy thân để đăng ký số điện thoại trên và cũng không quen biết ai là M1, D. Mặt khác quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa không xác định được lai lịch cụ thể của người đàn ông tên M1 nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Phạm Đức V là người lái xe taxi chở D, K đi nhận súng, đạn tại xã Q, tỉnh Nghệ An nhưng V không biết D và K tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng nên V không phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

Đối với bà Lê Thị B1 đã được Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh N trả lại chiếc xe đạp điện cho bà nên bà không yêu cầu gì thêm. Mặt khác quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo K sử dụng xe đạp điện của bà B1 để đi trả lại súng, đạn cho D nhưng bà B1 không biết, do đó bà B1 không phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

[9] Về án phí: Buộc tất cả các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 - Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công D 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 20/9/2025. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Xử phạt bị cáo Trần Đình K 13 (mười ba) tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 20/9/2025. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 - Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm c khoản 1 Điều 47 - Bộ luật Hình sự:

Giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh N quản lý và tiêu hủy 01 (một) khẩu súng ổ quay, thân súng có ký hiệu “18F19163”; 06 (sáu) viên đạn, dưới đáy vỏ đạn có ký hiệu “T” được gửi bảo quản tại kho Vũ Khí Đ - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh N theo Biên bản bàn giao vật chứng lập ngày 29/10/2025 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh N và Kho Vũ khí đạn - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh N.

Căn cứ khoản 3 Điều 106 - Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Trần Đình K 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy A05 màu xanh, số IMEI 1: 357492751525146, số IMEI 2: 359547401525149 gắn sim số 0976434406 đã qua sử dụng thu giữ của Trần Đình K.

Tang vật trên hiện có tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14 tháng 01 năm 2026 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Nghệ An và Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Công D và Trần Đình K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm, tất cả các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có QL & NV liên quan;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 8 - Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nghệ An;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nghệ An;
- Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Văn Diên